

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **29/2018/DS-ST**

Ngày 26/9/2018

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Ông Nguyễn Nam Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐ-HPT, ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Nhận ủy quyền thường xuyên là Ngân hàng A chi nhánh B

Địa chỉ: 223 đường D, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Do ông Trần Văn H đại diện theo ủy quyền theo giấy Ủy quyền ngày 25/9/2018 của Giám đốc chi nhánh; có mặt

Bị đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn HT, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị E, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn HT, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ngân hàng trình bày: Ngày 07 tháng 4 năm 2014, Ngân hàng A chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng Nông nghiệp B) và bên vay vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị E thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 4804LA201400756, theo đó vợ chồng ông L và bà E vay vốn số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất vay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm, thời hạn cho vay là 24 tháng, hạn trả cuối cùng của hợp đồng là ngày 01/4/2016. Ngân hàng Nông nghiệp B cho vợ chồng ông L và bà E vay theo tín chấp không có bảo đảm bằng tài sản. Khi thực hiện hợp đồng bên vay ông L và bà E đã vi phạm hợp đồng tín dụng không trả đủ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, từ khi vay vợ chồng ông L và bà E chỉ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp B số tiền gốc là 1.000.000 đồng và 2.383.279 đồng tiền lãi.

Nay đại diện Ngân hàng Nông nghiệp B yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị E phải có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng số tiền gốc 19.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2018 là 10.412.132 đồng, tổng cộng là 29.412.132 đồng. Đồng thời, ông L và bà E có trách nhiệm trả lãi theo số nợ gốc từ kể ngày 27 tháng 9 năm 2018 cho đến khi ông L và bà E thực hiện xong nghĩa vụ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 4804LA201400756 ngày 07 tháng 4 năm 2014.

Ông L thường xuyên vắng mặt nơi cư trú và bà E từ chối nhận giấy triệu tập để đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện cho Ngân hàng Nông nghiệp B yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị E hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp B số tiền gốc là 19.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 26/9/2018 là 10.412.132 đồng, tổng

cộng là 29.412.132 đồng. Xét việc tranh chấp của các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc tranh chấp về dân sự theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, được điều chỉnh bằng Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: do ông L thường xuyên vắng mặt nơi cư trú và bà E từ chối nhận giấy triệu tập nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tổng tụng theo quy định các Điều 177 và Điều 179 cũng như xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. về yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 07 tháng 4 năm 2014, Ngân hàng Nông nghiệp B và ông L và bà E thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 4804LA201400756, ông L và bà E vay vốn số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất vay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm, hợp đồng có chữ ký của ông L, dấu vân tay của bà E và có xác nhận của chính quyền địa phương nên có cơ sở khẳng định ông L và bà E đã vay tiền của Ngân hàng như lời trình bày của đại diện ngân hàng.

Khi thực hiện hợp đồng, bên vay là ông L và bà E đã vi phạm đã vi phạm thời hạn trả nợ của hợp đồng tín dụng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp B buộc ông L và bà E phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 19.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2018 là 10.412.132 đồng, tổng cộng là 29.412.132 đồng.

4. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông L và bà E phải nộp $5\% \times 29.412.132 \text{ đồng} = 1.470.606 \text{ đồng}$ án phí sơ thẩm. Ngân hàng Nông nghiệp B đã nộp 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên hoàn trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 146, khoản 1 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A nhận ủy quyền thường xuyên là Ngân hàng A chi nhánh B đối với ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị E về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị E phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A nhận ủy quyền thường xuyên là Ngân A chi nhánh huyện B 19.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2018 là

10.412.132 đồng, tổng cộng là 29.412.132 đồng.

Kể từ ngày 27/9/2018, ông L và bà E còn phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi của số tiền gốc chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất tương ứng trong hợp đồng tín dụng

Về án phí: ông L và bà E phải nộp 1.470.606 đồng; hoàn trả cho Ngân hàng A nhận ủy quyền thường xuyên là Ngân hàng A chi nhánh B 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0019246, ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong

Án xử công khai, đại diện của nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm